

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 02-7-2020

V/v: “Ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vui.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Thế Đ

2. Bà Trần Thị Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Văn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa: Ông **Lương Bá Xanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 860/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị D, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ 32, ấp C, xã C1, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Tạm trú: Ấp T1, xã T2, huyện C3, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Anh Trần Thanh Đ, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Tổ 32, ấp C, xã C1, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Chị D có mặt, anh Đ vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày:

Chị và anh Đ bắt đầu tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2001, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cẩm Giang, huyện Gò Dầu, ngày cưới có cho một số nữ trang nhưng hiện tại không còn vì vợ chồng bán để chi phí gia đình. Trong quá trình chung sống, anh chị có hai con chung tên Trần Thị Thùy Trang, sinh ngày 20-8-2002 và Trần Bảo Ngọc, sinh ngày 30-5-2008, hiện tại cháu Trang đang sống với chị còn cháu Ngọc đang sống với anh Đ, tài sản chung và nợ chung không có.

Trong thời gian chung sống anh chị nhiều lần phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ không chăm lo cho gia đình, không quan tâm đến vợ con, hơn nữa còn đam mê cờ bạc nên anh chị thường xuyên cãi vã nhau sống không hạnh phúc, chị khuyên nhủ rất nhiều lần nhưng anh Đ vẫn không thay đổi từ đó chị bỏ về nhà em ruột ở và vợ chồng sống ly thân từ tháng 8-2019 cho đến nay, trong khoảng thời gian sống ly thân anh chị không gặp nhau để bàn bạc hàn gắn gia đình, mạnh ai nấy sống không ai có thiện chí đoàn tụ. Do đó chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị yêu cầu mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng một cháu. Cụ thể chị được quyền nuôi dưỡng cháu Trang còn anh Đ được quyền nuôi dưỡng cháu Ngọc. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Trần Thanh Đ trình bày: Tại bản tự khai ngày 26-5-2020 anh Đ trình bày giống lời trình bày của chị D, riêng nguyên nhân mâu thuẫn thì anh cho rằng vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì và chị D tự ý bỏ đi và vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay. Chị D yêu cầu ly hôn anh không đồng ý ly hôn và yêu cầu được đoàn tụ.

Trường hợp ly hôn, về con chung: Anh yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngọc còn chị D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trang. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về nội D vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D; giao cho chị D được quyền nuôi dưỡng cháu Trang, anh Đ được quyền nuôi dưỡng cháu Ngọc, không ai phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản và nợ chung, các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Thanh Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị D và anh Đ tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2001, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị D yêu cầu ly hôn, do anh Đ cờ bạc, không chăm lo cho gia đình, không quan tâm đến vợ con và anh chị sống ly thân từ tháng 8 năm 2019 đến nay, ngược lại anh Đ yêu cầu đoàn tụ. Xét thấy, trong khoảng thời gian sống ly thân chị D và anh Đ không gặp nhau để tìm cách hàn gắn gia đình, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm chăm sóc đến ai và Tòa án tiến hành hòa giải nhằm tạo cơ hội để anh chị hàn gắn gia đình nhưng anh Đ vắng mặt chứng tỏ anh Đ không có thiện chí đoàn tụ. Từ những nhận định trên, có đủ căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa chị D và anh Đ lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài,

mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị D và anh Đ đều thống nhất, chị D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con tên Trần Thị Thùy Trang, sinh ngày 20-8-2002 và anh Đ được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con tên Trần Bảo Ngọc, sinh ngày 30-5-2008. Đồng thời tại biên bản lấy lời khai ngày 09-6-2020 cháu Trang có nguyện sống với chị D và cháu Ngọc có nguyện vọng sống với anh Đ. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Trang cho chị D được quyền nuôi dưỡng và giao cháu Ngọc cho anh Đ được quyền nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Riêng việc cấp dưỡng nuôi con chị D và anh Đ không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D và anh Đ không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị D phải chịu theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81 và Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị D với anh Trần Thanh Đ. Chị D được ly hôn với anh Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị D được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con tên Trần Thị Thùy Trang, sinh ngày 20-8-2002; anh Đ được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con tên Trần Bảo Ngọc, sinh ngày 30-5-2008. Chị D và anh Đ không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị D và anh Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị D và anh Đ không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình. Được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009987 ngày 25/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Ghi nhận chị D đã nộp đủ tiền án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị D có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng anh Đ vắng mặt được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân xã và nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- UBND xã Cẩm Giang;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vui